

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ LỚP MẪU GIÁO GHÉP 3+4+5 TUỔI NĂM HỌC 2025 - 2026

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC:

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Chủ đề thực hiện
			Chung	Riêng	
1	3	Trẻ biết thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	* 3,4,5 tuổi: Hô hấp: gà gáy, còi tàu, thổi bóng bay... * 3,4 tuổi: + Lưng, bụng, lườn: - Quay sang trái, sang phải - Cúi về phía trước; (ngửa người ra sau). - Nghiêng người sang trái, sang phải. + Chân: - Ngồi xổm, đứng lên; Bật tại chỗ	*Tay: - Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên - Co và duỗi tay, bắt chéo hai tay trước ngực *Chân: - Bước lên phía trước, bước sang ngang, - Co duỗi chân.	1->9
2	4	Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh		*Tay: - Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (Kết hợp vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) - Co và duỗi tay, vỗ hai tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) * Chân: - Nhún chân. - Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	
3	5	Trẻ biết thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh		*Tay: - Đưa hai tay lên cao, ra phía	

		hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp		trước, sang 2 bên (Kết hợp vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) - Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. * Lưng, bụng, lườn: - Ngửa người ra sau, kết hợp giờ tay lên cao, bước chân sang phải, sang trái - Quay sang trái sang phải kết hợp tay chông hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái - Nghiêng người sang hai bên * Chân: - Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. - Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.	
4	3	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Biết đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Biết đi kiễng gót liên tục 3m.	* 4,5 tuổi:		
			- Đi khụy gối,	- Đi kiễng gót.	2
			- Đi trên dây	- Đi trong đường hẹp.	6
			- Đi trên vạch kẻ sàn		6
			- Nhảy lò cò (3m; 5m)		8
5	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi		- Đi trên ghế thể dục	7

		thực hiện vận động: - Biết bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Biết đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.		- Đi bằng gót chân	2
				- Đi lùi	3
6	5	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Biết đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,3m. - Biết không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Biết đứng một chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây.		- Đi bằng mép ngoài bàn chân.	2
				- Đi trên ván kê dốc	8
				- Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát.	7
				- Đi nổi bàn chân tiến, lùi	3
7	3	Trẻ kiểm soát được vận động: - Biết đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Biết chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	* 3,4,5 tuổi: - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh;	- Chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc	1 5
			- Đi thay đổi hướng dích dắc theo(vật chuẩn, hiệu lệnh)	- Đi thay đổi hướng theo đường dích dắc	4
8	4	Trẻ biết kiểm soát được vận động: - Biết đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt dích dắc).	- Chạy thay đổi hướng dích dắc theo(vật chuẩn, hiệu lệnh)		5
9	5	Trẻ kiểm soát được vận động: - Biết đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)			
10	3	Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động: Tung, bắt - Biết tung bắt bóng với cô: bắt được 3		- Lăn bắt bóng với cô - Đập bắt bóng với cô. - Tung bắt bóng với cô	3 5 6

		lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Biết tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).		- Chuyển bóng hai bên theo hàng ngang, hàng dọc	7
				- Đập và bắt bóng	2
11	4	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: Tung, bắt, ném, đập - Biết tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Biết ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Biết tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	* 4,5 tuổi		3
			- Tung bóng lên cao và bắt		
			- Đập và bắt bóng tại chỗ		2
			- Tung bắt, bóng với người đối diện 3m.		
			- Ném, bóng với người đối diện 4m		6
			- Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân).		7
12	5	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: Tung, bắt, ném, đập - Biết bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Biết ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5 m). - Trẻ biết đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp.		- Tung bắt bóng tại chỗ.	5
				- Đi và đập bắt bóng.	8
13	3	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài: chạy, ném, bò, trườn, bật, bước - Trẻ có thể chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng.	* 3,4 tuổi:		1
			- Bò chui qua cổng		
				- Bật về phía trước.	5
				- Bật tại chỗ	1
				- Chạy 15m theo hướng thẳng	9

		- Biết ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Biết bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài		- Bò theo hướng hướng đích dốc.	4
				- Bò theo hướng thẳng - Bước lên, xuống bậc (cao 30cm).	6 9
				- Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m)	3
				Trườn về phía trước	9
14	4	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: chạy, ném, bò, trườn, bật, nhảy - Biết chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. - Biết ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Biết bò trong đường đích dốc (3 - 4 điểm đích dốc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	* 4,5 tuổi: - Bật qua vật cản cao (10 - 15 cm; 15- 20cm) - Chạy (15m, 18m) trong khoảng 10 giây; - Chạy chậm khoảng (60 - 80m; 100 -120m) - Bò đích dốc (qua 5; 7 điểm). - Trèo lên, xuống (5; 7 gióng thang). - Bò bằng bàn tay và bàn chân (3-4m; 4-5m) - Bò chui qua ống dài (1,2 x 0,6 m; 1,5m x 0,6m).	- Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm. - Bật liên tục về phía trước	9 6 5 9 8 4 5 6 3
15	5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: chạy, ném, bò, trườn, bật, nhảy	- Ném trúng đích ngang xa 2m	- Bật liên tục vào vòng	5 9

		- Biết chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Biết ném trúng đích ngang (xa 2m). - Biết bò vòng qua 5-6 điểm đích đặc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.	- Bật nhảy từ trên cao xuống (30-35 cm; 40- 45cm)		9
			- Bật tách, khép chân qua (5 ô; 7 ô).	- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm	7, 9
			- Ném xa bằng 2 tay.		4
			*3,4,5 tuổi: - Trườn theo hướng thẳng		7
			- Bật xa (20 - 25cm; 35- 40 cm; 40 - 50cm)		4
			- Ném trúng đích đứng bằng 1 tay		3
			- Ném xa bằng 1 tay		2
16	3	Trẻ có thể thực hiện được các vận động: - Biết xoay tròn cổ tay. - Biết gập, đan ngón tay vào nhau		- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.	2,3, 4, 5, 6, 7,8,9
17	4	Trẻ thực hiện được các vận động: - Biết cuộn - xoay tròn cổ tay. - Biết gập, mở, các ngón tay.		- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nổi.... - Gập giấy.	
18	5	Trẻ thực hiện được các vận động: - Biết uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Biết gập, mở lần lượt từng ngón tay.		- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ nắn.	
19	3	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động. - Trẻ vẽ được hình tròn theo mẫu. - Trẻ cắt thẳng được một đoạn 10cm. - Trẻ xếp chồng 8-10 khối không đổ. - Trẻ tự cài, cởi cúc.	3,4,5 tuổi: - Cài, cởi cúc * 4,5 tuổi: - Xâu, buộc dây. - Xé, cắt đường thẳng; đường vòng cung.	- Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé dán giấy. - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nguệch ngoạc.	

20	4	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Biết vẽ hình người, nhà, cây. - Biết cắt thành thạo theo đường thẳng. - Biết xây dựng lắp ráp với 10-12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Biết tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.		- Lắp ghép hình. - Tô, vẽ hình - Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối.	1->9
21	5	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: - Biết vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Trẻ cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Biết xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Biết ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Biết tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (Phéc mơ tuya)		- Lắp ráp. - Tô, đồ theo nét. - Kéo khóa (Phéc mơ tuya), luồn dây. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
22	3	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Cân nặng: + Bé trai: 12,7 – 21,2 kg + Bé gái: 12,3-21,5 kg Chiều cao: + Bé trai: 94,9-111,7cm + Bé gái : 94,1-111,3 cm	* 3+4+5 tuổi - Nhận biết được các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).		
23	4	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi			

		Cân nặng: + Bé trai: 14,1 – 24,2 kg + Bé gái: 13,7 – 24,9 Kg Chiều cao: + Bé trai: 100,7-119,2cm + Bé gái : 99,9 -118,9 cm			1,4,9
24	5	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng, chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Cân nặng: + Bé trai: 15,9 – 27,1 kg + Bé gái: 15,3 – 27,8 Kg Chiều cao: + Bé trai: 106,1-125,8 cm + Bé gái : 104, -125,4 cm			
25	3	Trẻ biết nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).		- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.	2
26	4	Biết một số thực phẩm cùng nhóm - Biết thịt, cá...có nhiều chất đạm. - Biết rau, quả chín có nhiều vitamin.		- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng)	
27	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Biết thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Biết thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...		- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	3
28	3	Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...		- Một số món ăn hằng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	
29	4	Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn		- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực	

		giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...		phẩm, món ăn.	
30	5	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...		- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	2
31	3	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	* 3,4,5 tuổi: - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.		2, 3
32	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- <i>Giữ gìn, sử dụng tiết kiệm, các loại thực phẩm tránh ôi thiu...</i>		
33	5	Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khoẻ mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt để béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).		2,3
34	3	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Trẻ biết rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Trẻ biết tháo tất, cởi quần, áo....	* 4,5 tuổi: - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn (và để vào nơi quy định) <i>KN hài hòa với môi trường tự nhiên</i>	- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Biết tháo tất, cởi quần, áo...	
35	4	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Biết tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.	- <i>KN tự phục vụ: Giữ gìn, sử dụng tiết kiệm các đồ dùng sinh hoạt hằng ngày (quần áo, giày dép, bánh xà phòng, khăn</i>		2, 3

		- Biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	<i>mặt...)</i> * 3,4 tuổi:		
36	5	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: - Biết rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng. - Biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Biết đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.	- Làm quen với cách (tập) đánh răng, lau mặt. - Tập (rèn luyện thao tác) rửa tay bằng xà phòng.	- Tập luyện kỹ năng tự phục vụ cá nhân: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng * <i>KN tự phục vụ: Chải đầu, buộc tóc, rửa tay đi vệ sinh...</i> - Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	
37	3	Biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.		Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách: * <i>KN tự phục vụ: Biết tự cầm thìa xúc cơm ăn, cất bát thìa sau khi ăn</i>	3
38	4	Biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- <i>Trẻ giúp cô kê bàn ăn, tự cất bát thìa sau khi ăn</i> - <i>KN tự phục vụ: Kê bàn, không làm rơi vãi thức ăn, lấy ghế...</i>	Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	
39	5	Biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo		Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo:	
40	3	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	* 3,4,5 tuổi: - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.		1, 2
41	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Biết chấp nhận ăn rau và ăn nhiều	<i>KN bảo vệ sức khỏe:</i> - <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: Không đùa nghịch khi ăn, không uống nước lạnh, ăn uống đúng giờ, đủ chất...</i>	- Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau...	

		loại thức ăn khác nhau... - Biết không uống nước lã.	* 4,5 tuổi: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, (nhai kỹ). - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, (ăn quà vật ngoài đường).		
42	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: - Biết mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Biết không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Biết không uống nước lã, ăn quà vật ngoài đường.		- Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.	1, 2
43	3	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Biết chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	* 3,4,5 tuổi: - <i>Bảo vệ chăm sóc sức khỏe bản thân. Chăm sóc mắt, mũi, tai, miệng.</i> Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - <i>Tự chuẩn bị, lựa chọn đồ dùng cá nhân để đến trường: ba lô, quần áo, giày dép...; để tham gia các hoạt động tham quan: Tham quan trường tiểu học...</i> - <i>KN tự phục vụ: Tự lựa chọn</i>		2 9

			<i>và sử dụng trang phục, giày dép, mũ) phù hợp với thời tiết</i>	8
44	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, (nguyên nhân) và cách phòng tránh (đơn giản)	2
			- Vệ sinh răng miệng (Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy), đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.	8
45	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Biết vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Biết ra nắng đội mũ; Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Biết che miệng khi ho, hắt hơi. - Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Biết bỏ rác đúng nơi quy định; không nhỏ bậy ra lớp.	- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu (hoặc sốt)... - <i>Nói với người lớn khi cơ thể không khỏe</i> - <i>Biết bảo vệ các bộ phận trên cơ thể (bảo vệ đôi mắt, bảo vệ tai, mũi, làn da...)</i> - <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: Nhận biết 1 số biểu hiện khi ốm, xử lý khi bị thương nhẹ...</i>	2
			- Bảo vệ sức khỏe, an toàn khi có thời tiết thay đổi hay hiện tượng thời tiết bất thường.	8
			* 4,5 tuổi: - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	8

			- Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định; (không nhổ bậy ra lớp). <i>KN sống hài hòa với môi trường tự nhiên.</i> - Sử dụng các vật liệu tự nhiên/ tái chế phân loại rác thải		2
46	3	Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở	* 3,4,5 tuổi: - Ứng phó và phòng tránh khi có đám cháy/ gặp nạn những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng		3
47	4	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn. không nên nghịch.	- KN sử dụng đồ dùng an toàn: - KN nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm		
48	5	Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. (không nghịch các vật sắc nhọn).		4
49	3	- Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (Hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	* 3,4,5 tuổi: - KN bảo vệ sức khỏe, an toàn: - Nhận biết các tình huống và		8
50	4	- Trẻ nhận ra những nơi như: Hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	phòng tránh những nơi nguy hiểm không an toàn, nguy hiểm đến tính mạng như: ao, hồ, sông suối, sạt lở đất, lũ quét,		

51	5	- Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	<i>cổng, rãnh, trèo thang lên nhà sàn, công trình xây dựng, bể chứa nước, nương nước; bể chứa nước; bụi rậm, (và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần).</i> - KN bảo vệ SK và AT: Phòng tránh đuối nước: Ao, suối		
52	3	- Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Biết không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Biết không tự lấy thuốc uống. - Biết không leo trèo bàn ghế, lan can. - Biết không nghịch các vật sắc nhọn. - Biết không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	* 3,4,5 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng như: Không cười đùa trong khi ăn, uống. <i>KN bảo vệ sức khỏe, an toàn:</i> - Ứng phó khi bị mắc kẹt trong không gian kín(Phòng kho, lớp học...)		2
			- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng như: khi ăn các loại quả có hạt (dễ bị hóc sặc...) + Không tự ý uống thuốc.		1
				- Biết không leo trèo bàn ghế, lan can. - Biết không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. - Biết không nghịch các vật sắc nhọn.	1
53	4	Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Biết không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có	* 4,5 tuổi:- không uống rượu bia, cà phê (hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe) khi không được phép của người lớn.	- Biết không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	1

		hạt... - Biết không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Biết không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	- không ăn thức ăn có mùi ôi; (để bị ngộ độc). - không ăn lá, quả lạ (để bị ngộ độc)		2
					6
54	5	Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	<i>- KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: KN nhận biết thực phẩm ôi thiu, các chất kích thích, không tự ý uống thuốc</i>		2
55	4	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	<i>* 4,5 tuổi:</i> - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: <i>khi bị lạc, bị bắt cóc</i> - Gọi người lớn khi gặp (một số) trường hợp khẩn cấp: cháy <i>KN bảo vệ sức khỏe, an toàn:</i> - <i>Biết xử lý khi bị thương</i> - Khu vực an toàn/ nơi sơ tán gần trường học nhất. - <i>Nhận biết về nguồn lửa, nguồn nhiệt và 1 số vật dụng có thể gây cháy nổ: bếp ga, bếp củi, bình ga, bật lửa, bao</i>		9 3 3

			<i>diêm...</i> - Ứng phó khi có đám cháy/gặp nạn: Nằm áp sát xuống nền nhà cạnh chân tường/ hô to gọi người lớn cứu hoặc bò nhanh ra khỏi chỗ đám cháy... - Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và 1 số sự cố có thể gây cháy, nổ: Không được đến gần bếp nấu, không nghịch bật lửa, bao diêm... - Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy: Nghe thấy tiếng báo động thì trẻ chạy ra khỏi nơi đang ở.		3 3 4
			KN bảo vệ sức khỏe, an toàn: - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ khi cần thiết : Có người rơi xuống nước, ngã chảy máu...		8
				- Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	3
			- Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai xảy ra.		8
56	5	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.	- Thực hành một số tình huống	- Phòng tránh xâm hại: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt,	3

		- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn.: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	<i>có nguy cơ mất an toàn</i> - <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: NB 1 số tình huống và cách xử lý khi bị lạc, bị bắt cóc, bị xâm hại...</i> + <i>KN nhận biết các nguồn nhiệt nguy hiểm và cách phòng tránh</i> + <i>KN xử lý khi gặp đám cháy</i> - <i>Nhận biết được nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ.</i> - <i>Biết phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt cháy nổ có thể xảy ra.</i> <i>Biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe báo cháy.</i>	rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo	1, 3 2 3 4, 7
57	5	Trẻ thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Biết sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Biết đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Biết không leo trèo cây, ban công, tường rào...		- Không leo trèo cây, ban công, tường rào.. .- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.	1
				- Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn - Khi đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: Dạy trẻ cách xử lý khi</i>	1,7

				<i>bị mắc kẹt trong ô tô, phòng kho của trường/lớp...</i>	
58	5	- Trẻ biết tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.		- Tham gia hoạt động tích cực - Không có biểu hiện mệt mỏi như: ngáp, ngủ gật...	4

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức.

a) Khám phá khoa học.

59	3	Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	<i>* 3+4+5 tuổi:</i> <i>+ Ứng phó với sự thay đổi của thời tiết/môi trường</i> <i>- Đặt câu hỏi: Sự thay đổi của thời tiết/môi trường</i>	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	8
60	4	- Biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo, vì sao lá cây bị ướn		- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa: mùa xuân: Đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người	8
61	5	- Trẻ thích tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật hiện tượng. " tại sao có mưa"		- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa: mùa xuân: Đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột và thứ tự các mùa	8
			- Sự thay đổi trong sinh hoạt con người, con vật.	5	
			- Sự thay đổi trong sinh hoạt con người, cây cối.	6	
62	3	- Biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng; nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.		- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể như <i>mắt, mũi, tai, miệng, làn da</i>	2

				- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật.	1,3,9 5
				- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của cây, hoa, quả quen thuộc	6
63	4	- Biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng	* 4+ 5 tuổi: - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể * <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn</i> - <i>Biết bảo vệ các bộ phận trên cơ thể (bảo vệ đôi mắt, tai, mũi, miệng, làn da)</i> - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. * <i>KN sử dụng các đồ dùng, thiết bị an toàn</i> - <i>Biết sử dụng đồ dùng trong sinh hoạt, đồ dùng trong học tập</i> - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc..	So sánh sự giống và khác nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi	2 1,3,9

			<i>* KN bảo vệ sức khỏe và an toàn</i> <i>- Tiếp xúc an toàn với con vật</i>	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, gần gũi 5	
				- Đặc điểm bên ngoài của cây, hoa, quả ích lợi và tác hại đối với con người. 6	
64	5	- Biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng	<i>* 3+4+5t tuổi:</i> <i>- Ích lợi của thực vật đối với phòng chống thiên tai: giữ nước chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường</i>	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật 1,3,9	
				- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây, hoa, quả. <i>- Tiếp xúc an toàn với cây, hoa, quả</i> 5	
				6	
				6, 8	
65	3	- Biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng VD: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi	<i>* 3+ 4+ 5 tuổi</i> <i>- Quá trình phát triển của con vật; điều kiện sống của một số loại con vật.</i> <i>- Yêu quý bảo vệ chăm sóc con vật thân thuộc</i>	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi. 5	
			- Quá trình phát triển của cây, điều kiện sống của một số loại cây		6

			+ <i>Làm đất, gieo các loại hạt đậu, ngô...</i> + <i>Trồng cây hoa ở góc thiên nhiên: tưới cho cây, không tưới cho cây...</i> - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, sỏi, cát: + Thí nghiệm vật chìm, vật nổi + Trứng nổi, trứng chìm - Pha nước chanh		8 2
			* 4+5 tuổi - Một số đặc điểm, tính chất của nước		8
66	4	- Biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: pha màu, đường, muối và nước, dự đoán và quan sát, so sánh	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật - Cách chăm sóc và bảo vệ cây + Thực hành: Tạo màu cho cây cải thảo.		5 6
67	5	- Biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. VD: Thử nghiệm gieo hạt, trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	- <i>Trẻ thực hành trải nghiệm làm một số thí nghiệm đơn giản như: Nước đổi màu, Sữa ma thuật, đổi màu của nước</i> - <i>Tạo đèn giao thông hóa học</i>		8 7
68	3	- Biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau, có sự gợi mở của cô giáo như xem		- Mỗi liên hệ đơn giản giữa con vật quen thuộc với môi trường sống của chúng.	5

		sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng		- Mỗi liên hệ đơn giản giữa cây cối với môi trường sống.	6
				- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	8
69	4	- Biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện	* 4+5 tuổi: - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống - <i>Yêu quý bảo vệ cảnh quan thiên nhiên</i>	- Quan sát, thảo luận các loại, cây, hoa quả, - Quan sát, thảo luận các con vật - Quan sát, thảo luận các sự vật hiện tượng, thời tiết các mùa	6 5 8
70	5	- Biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận		- Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận về đối tượng như: cây cối hoa, quả. - Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận về con vật quen thuộc.	6 5
71	3	- Biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật		- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc;	7
72	4	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo 1 hoặc 2 dấu hiệu	* 4, 5 tuổi - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 , (2-3) dấu hiệu	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi	1,3,9

			+ Một số đồ dùng, đồ chơi của lớp		1
73	5	- Biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau	+ Phân loại Một số đồ dùng, phương tiện trong gia đình + Phân loại động vật + Phân biệt một số loại cây, một số loại quả + Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông + Phân biệt một số PTGT <i>3+4+5 tuổi: Nhận biết một số luật giao thông đơn giản và tham gia giao thông đúng luật như: Đội mũ bảo hiểm khi ngồi xe máy, đi bên tà ni dương...</i>		3 5 6 7
74	3	- Biết nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi		- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống. Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm	5 6 8

75	4	- Biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”.	* 4+5 tuổi: - Các nguồn nước trong môi trường sống - Đặc điểm, tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.	Sự khác nhau giữa ngày và đêm	8
76	5	- Biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng. VD: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”	- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống người, con vật - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cây cối.		5
			* 3+4+5 tuổi - Ích lợi của nước đối với con vật - Ích lợi của nước đối với cây cối - Ích lợi của nước đối với đời sống con người. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - <i>Ích lợi của thực vật đối với phòng chống thiên tai: giữ nước chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường</i> - <i>Pha nước chanh</i>		6
				Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng	8
					2
77	4	- Biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn	* 4+5 tuổi - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với MT sống.		5

			- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với MT sống.		6
78	5	- Biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật		5
79	3	- Biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo	* 3, 4, 5 tuổi: - Một vài đặc điểm tính chất tính của đất đá, cát, sỏi	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày.	6
			* 4,5 tuổi: - Không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật - Không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cây.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi:	8
				- Cách chăm sóc cây: Hoạt động chơi ngoài trời, góc thiên nhiên (gieo hạt, tưới cây, lau lá...)	5
					6
80	4	- Biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 1- 2 đồ dùng, đồ chơi.	1,3,9
				- So sánh, phân loại phương tiện giao thông theo 1- 2 dấu hiệu.	7
				- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 cây, hoa, quả.	5 6
81	5	- Biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm sự khác nhau, giống nhau của		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2- 3 đồ dùng,	1,3,9

		các đối tượng được quan sát		đồ chơi. - So sánh sự khác và giống nhau của một số con vật - So sánh sự khác và giống nhau của một số cây, hoa, quả. - So sánh, phân loại phương tiện giao thông theo 2-3 dấu hiệu.	5 6 7
82	3	Trẻ thể hiện một điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Chơi các góc, nhóm chơi như: Âm nhạc, tạo hình, trò chơi đóng vai, gia đình, bác sỹ xây dựng...		1->9
83	4	Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình			
84	5	Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...			
85	3	Trẻ nhận biết, gọi tên các loại thiên tai thường xảy ra ở địa phương. Ứng xử đơn giản khi có hiện tai	* 3,4,5 tuổi: - <i>Động đất ra chỗ đất chống...; Sắm sét tránh xa đường dây điện, cây to, các vật dụng kim loại...</i> - <i>Dấu hiệu đặc trưng của từng loại thiên tai:</i> + <i>Sạt lở: Đất đá trên các sườn dốc của đồi núi trượt từ trên xuống.</i>		8
86	4	Trẻ nhận biết các loại thiên tai thường xảy ra ở Việt Nam. Ứng xử đơn giản khi có hiện tai			
87	5	Trẻ nhận biết tên gọi các loại thiên tai, hiểu ý nghĩa một số tên gọi đặc			

		biệt của thiên tai do con người đặt ra. cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai và hiểu tại sao cần làm như vậy.	+ <i>Lũ: là hiện tượng mực nước và tốc độ của dòng chảy trên sông, suối vượt qua mức bình thường.</i> + <i>Mưa đá: mưa kèm theo những viên nước đá có hình dạng và kích thước khác nhau rơi xuống đất...</i> * <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn</i> - <i>Ứng phó khi gặp mưa gió bão</i> - <i>KN bảo vệ sức khỏe và an toàn: HD trẻ 1 số KN khi gặp mưa, gió bão...</i>		
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.					
88	3	- Biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng	.	- Đếm số lượng và hỏi về số lượng, biểu thị số lượng bằng ngón tay	3
89	4	- Biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi “Bao nhiêu?”; “Là số mấy?” ...	* 4,5 tuổi: - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe ...) -		3, 7
90	5	- Biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm hỏi "Bao nhiêu ?". "Đây là mấy?"			

91	3	- Biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5		Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	1,3,4
92	4	- Biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.		- Đếm, so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 6,7,8,9,10 và đếm theo khả năng.	1,3,4 5->8
93	5	- Biết đếm trên đối tượng phạm vi 10 và đếm theo khả năng		Ôn so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 1,2,3,4,5 nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - So sánh số lượng 2-3 nhóm đối tượng trong phạm vi 6,7,8,9,10 nói được kết quả bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	1->8 1,3,4 5->8
94	3	- Biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	*3+4 tuổi: - Xếp tương ứng 1 - 1; ghép đôi * 3,4,5 tuổi: - So sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi (5-10) bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn; (ít nhất)	- Nhận biết một và nhiều - So sánh số lượng (hai – ba) nhóm đối tượng trong phạm vi 5 nói được từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	1 3,4
95	4	- Biết so sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng		Ôn so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi	1,3,4

		các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn		1,2,3,4,5 - So sánh số lượng 2 -3 nhóm đối tượng trong phạm vi 6,7,8,9,10 nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	5->8
96	5	- Biết so sánh số lượng ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất		Ôn so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 1,2,3,4,5 nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn - So sánh số lượng 2-3 nhóm đối tượng trong phạm vi 6,7,8,9,10 nói được kết quả bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan	1,3,4 5->8 1->8
97	4	- Biết sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	* 4-5 tuổi: Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi (5,10)	Chữ số, số lượng và số thứ tự trong 1,2,3,4,5	1->4
98	5	- Nhận biết các số từ số 5 - số 10 và sử dụng các số đó để chỉ SL, số thứ tự		- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. + Ôn nhóm số lượng 1- 5, chữ số 1-5 + Nhận biết chữ số và STT 6, 7, 8, 9, 10	1->8 1,3,4 5->8
99	3	- Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong pvi 5	* 3,4 tuổi: - Gộp 2 nhóm có đối tượng và đếm	Gộp và đếm 2 nhóm đối tượng phạm vi 4,5	3,4
100	4	- Biết gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong pvi 5, đếm và nói kết quả		Gộp và đếm 2 nhóm đối tượng phạm vi 4,5 nói kết quả	3,4
101	5	- Biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm		- Ôn Gộp và đếm 2 nhóm đối tượng phạm vi 4,5 nói kết	3,4,

				quả - Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm PV 6,7,8,9,10	5,6,7,8
102	3	- Biết tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm	* 3, 4 tuổi: - Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ trong phạm vi 4,5		3,4
103	4	- Biết tách 1 nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn			
104	5	- Biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách 4 khác nhau.		- Ôn tách 1 nhóm đối tượng phạm vi 4,5 - Tách 1 nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau PV 6,7,8,9,10	3,4 5,6,7,8
105	4	- Biết nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày	* 4+5 tuổi: - Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, biển số xe...)		3, 7
106	5	- Biết nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày			
107	3	- Biết nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại	* 4+5T: - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	- Xếp xen kẽ	7
108	4	- Biết nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại			
109	5	- Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu - Nhận ra được qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại - Biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và		Tạo ra quy tắc sắp xếp	

		tiếp tục sắp xếp				
110	3	- Biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn, nhỏ hơn , dài hơn, ngắn hơn, cao hơn, thấp hơn, bằng nhau	* 4,5 tuổi: - So sánh chiều cao của 3 đối tượng	- So sánh 2 đối tượng về kích thước + So sánh chiều dài của 2 đối tượng + So sánh chiều cao của 2 đối tượng	4	
				6		
111	4	- Biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh		- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.	4	
				- Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo	8	
112	5	- Biết sử dụng được một số công cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả		Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau	4	
				- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	7	
				- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo	8	
113	3	- Biết nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật		* 4,5 tuổi: - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế - Sử dụng các hình hình học để chắp ghép	9
						5
114	4	- Biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác,		5	

		- Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản		hình tròn, hình chữ nhật	
115	5	- Biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật		- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế - Tạo ra một số hình hình học bằng cách khác nhau.	5
116	3	- Biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	* 4,5 tuổi: - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên, dưới; phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải – tay trái của bản thân	2
117	4	- Biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác			
118	5	- Biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên, dưới; phía phải – phía trái) so với bạn khác .		3
				- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên, dưới; phía phải – phía trái) so với 1 vật nào đó làm chuẩn	9
119	4	- Biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự, thời gian trong ngày		- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối. * <i>KN giải quyết vấn đề</i> - <i>Quản lý quỹ thời gian</i>	8
120	5	- Biết gọi đúng tên các thứ trong		- Nhận biết hôm qua, hôm	8

		tuần, các mùa trong năm - Biết nói được ngày trên lốc lịch và giờ trên đồng hồ		nay và ngày mai. - Gọi tên các ngày trong tuần - Nói được lốc lịch để làm gì - Nói được ngày trên lốc lịch - Nói được giờ chẵn trên đồng hồ - <i>Biết quản lý quỹ thời gian trong ngày</i>	
c) Khám phá xã hội					
121	3	- Biết nói tên tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, nói chuyện	* 4,5 tuổi: - Nhận biết bản thân như Họ tên, tuổi (ngày sinh), giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - <i>Thể hiện khả năng sở trường của bản thân</i> - Vị trí của trẻ trong GD	- <i>Tên, tuổi, giới tính của bản thân</i> - Trò chuyện những người yêu thương, chăm sóc bé	2
122	4	- Biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện			3
123	5	- Biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện			
124	3	- Biết nói tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình	* 3,4,5 tuổi: - Địa chỉ gia đình * 4,5 tuổi: - Nhu cầu gia đình	- Tên của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình.	3
125	4	- Biết nói họ tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình		- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ.	
126	5	- Nói được tên tuổi, giới tính và công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò		- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành	

		chuyện, xem ảnh về gia đình		viên trong gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn).	
127	3	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi trò chuyện, xem ảnh về gia đình	* 3+4+5 tuổi: - Nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm); số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi trò chuyện <i>- KN bảo vệ SK và AT: lên xuống cầu thang an toàn khi đi lên nhà sàn</i>	- Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi trò chuyện, xem ảnh về gia đình	3
128	4	Biết nói địa chỉ của gia đình (số nhà, đường phố, thôn, xóm) khi được hỏi trò chuyện			
129	5	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố, thôn, xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi trò chuyện			
130	3	- Biết nói trên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện		- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo - Tên các bạn, đồ dùng đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường	1
131	4	- Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường / lớp khi được hỏi và trò chuyện		- Nói được tên và địa chỉ của trường / lớp khi được hỏi và trò chuyện	
132	5	- Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số địa điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện		- Nói được tên, địa chỉ và mô tả một số địa điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	
133	4	- Trẻ nói được tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi trò chuyện	* 4+5 tuổi: - Họ tên và đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường/ lớp		1
134	5	Trẻ nói được họ tên , đặc điểm của bạn ở trong lớp khi được hỏi, trò chuyện			

135	3	- Biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh	* 4,5 tuổi: - Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương - Dự án: Làm ngôi nhà	Tên gọi, sản phẩm, ích lợi của một số nghề phổ biến	4
136	4	- Biết kể tên công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện			
137	5	- Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. VD: nói “Nghề nông làm lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...”	- Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào công tác phòng chống thiên tai và ứng phó với BĐKH: dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ cứu nạn, ...		4, 8
138	3	- Biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh	* 3,4,5 tuổi: - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. Kể tên một số ngày lễ:		9
139	4	- Trẻ biết kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội			
140	5	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. ví dụ nói: “Ngày quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”	- Ngày lễ hội, ngày quốc khánh 2/9; ngày khai giảng, tết trung thu; - Ngày hội, 20/10 - Tham gia các hoạt động ngày hội 20/11 - Ngày, 22/12 quân đội nhân dân Việt Nam, ngày lễ tết dân tộc - Tham gia các hoạt động ngày 22/12, ngày tết dương lịch		1 3 4 5

			- Ngày tết cổ truyền dân tộc Mông - Ngày hội mừng 8/3, ngày 26/3 ĐTN - Ngày Lễ 10/3 giỗ tổ Hùng Vương - Ngày Lễ, 30/4 ->1/5 ngày sinh nhật bác 19/5. - Biết một vài cảnh đẹp, danh lam thắng cảnh, đất nước, nơi tưởng niệm Bác. - <i>Tham gia các hoạt động thăm quan bản làng...</i> - <i>Thể hiện mình thuộc dân tộc H mông quê hương mình</i>		6 7 8 9
141	3	- Trẻ kể được tên một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương	*3+ 4+ 5 tuổi: - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước + Bác Hồ với các cháu thiếu nhi + Cờ tổ quốc		9
142	4	- Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp di tích lịch sử ở địa phương			
143	5	- Biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.			
144	3	<i>Trẻ nhận biết và kể tên bằng tiếng việt: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, một số bộ phận cơ thể, màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa, quả, con vật, PTGT, mùa hè...</i>			

145	4	Trẻ nhận biết và kể tên bằng tiếng việt: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, hành động, bộ phận, các giác quan cơ thể; các thành viên trong gia đình; màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa , quả, con vật, PTGT, mùa hè...	* 3, 4, 5 tuổi		
			- Một số hình ảnh trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng.		1
			Một số hình ảnh tên, một số bộ phận cơ thể		2
			Một số hình ảnh nghề nghiệp quen thuộc,		4
146	5	Trẻ nhận biết, kể tên và so sánh bằng tiếng việt rõ ràng: Trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, bộ phận, các giác quan cơ thể; các thành viên trong gia đình; hành động, màu sắc, nghề nghiệp quen thuộc, một số hoa , quả, con vật, PTGT, mùa hè...	Một số hình ảnh về hoa, quả,		6
			Một số hình ảnh con vật,		5
			Một số hình ảnh về PTGT,		7
			Một số hình ảnh mùa hè, hiện tượng tự nhiên.		8
			- Làm quen với tiếng việt:		1
			+ Các từ chỉ tên trường, lớp, đồ chơi, chào hỏi...		
			+ Các từ chỉ hành động, khuôn mặt, màu sắc, số đếm 1, 2, 3...		2
			+ Các từ chỉ các phòng trong nhà bé, cảm xúc của bé...		2, 3
			+ Các từ chỉ một số nghề gần gũi		4
			+ Các từ chỉ một số con vật quen thuộc		5
			+ Các từ chỉ một số loại hoa, quả...		6
			+ Các từ chỉ một số PTGT, biển		7

			<i>baó GT...</i>		
			+ <i>Các từ chỉ thời tiết mùa hè, một số hoạt động trong mùa hè...</i>		8
			+ <i>Các từ chỉ một số địa danh ở Điện Biên...</i>		9

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

a) Nghe hiểu lời nói

147	3	Biết thực hiện được yêu cầu đơn giản. Ví dụ: Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ.		- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	4
148	4	Biết thực hiện được 2- 3 yêu cầu liên tiếp. Ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng".	* 4,5tuổi: - Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu (liên tiếp)		
149	5	Biết thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, VD: Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái			
150	3	Trẻ hiểu được nghĩa các từ khái quát gần gũi quần áo, đồ chơi, hoa quả...	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, (câu phức) - Nghe lời nói trong giao tiếp hàng ngày.	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	1->9
151	4	Biết hiểu từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ...	- <i>KN giao tiếp xã hội : Ứng xử phù hợp với người lớn trong giao tiếp</i>	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	

152	5	Biết hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)	- <i>Hiểu ý nghĩa của từ biến đổi khí hậu, giải thích nguyên nhân, diễn biến của biến đổi khí hậu theo mối liên hệ đơn giản: Vì chặt phá rừng nên lũ lụt.</i>		
153	3	Biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	* 3,4,5 tuổi: - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè, phù hợp với độ tuổi * 4,5 tuổi: * <i>KN giao tiếp xã hội</i> - <i>Nghe chăm chú, đặt câu hỏi</i> - <i>Trình bày ý kiến cá nhân</i>		1->9
154	4	Biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại			
155	5	Biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại			
b) Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày					
156	3	Biết nói rõ các tiếng. <i>Trẻ nói được từ, câu tiếng việt đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.</i>		Phát âm các tiếng của tiếng việt.	1->9
157	4	Biết nói rõ để người nghe có thể hiểu được. <i>Trẻ nói được tiếng việt khi người lớn yêu cầu.</i>		Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.	
158	5	Biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được <i>Trẻ nói được tiếng việt rõ ràng khi người lớn yêu cầu.</i>		Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.	
			* 4+5 tuổi - <i>Nói tiếng việt tên chỉ trường, lớp, đồ chơi, đồ dùng, màu sắc</i> - <i>Nói tiếng việt từ chỉ tên, giới tính, một số bộ phận trên cơ thể.</i>		1 2

			- Nói tiếng việt tên chỉ một số thành viên trong gia đình, hành động. - Nói tiếng việt tên chỉ nghề nghiệp quen thuộc. - Nói tiếng việt tên chỉ con vật. Nói tiếng việt tên chỉ một số hoa, quả. - Nói tiếng việt chỉ PTGT. - Nói tiếng việt tên chỉ mùa hè - Nói tiếng việt tên chỉ một số địa danh ở Điện Biên...		3 4 5 6 7 8 9
159	3	Biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	* 3,4 tuổi: Trả lời và đặt các câu hỏi: “ Ai?”; “ Cái gì?”; “ Ở đâu?”; “ Khi nào?” (“Để làm gì”.)		1->9
160	4	Biết sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...			
161	5	Biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ... phù hợp với ngữ cảnh		- Trả lời câu hỏi về nguyên nhân,so sánh: “Tại sao?”; “Có gì giống nhau?”; “Có gì khác nhau?”; “Do đâu mà có?” - Đặt các câu hỏi: “Tại sao?”; “Như thế nào?”; “Làm bằng gì?”	
162	3	Biết sử dụng được câu đơn, câu ghép.		- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng	1->9
163	4	Biết sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.		- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	

164	5	Biết dùng câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh ...		Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.	
165	3	Biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim ...	* 3,4,5 tuổi: <i>Kể lại sự việc/sự kiện</i> hiện tượng (có nhiều tình tiết; theo trình tự).	Kể lại sự việc	1->9
166	4	Biết kể lại sự việc theo trình tự.		Kể lại sự việc có nhiều tình tiết	
167	5	Biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái ... của nhân vật.		Kể lại sự việc theo trình tự.	
168	3	Biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao ...	* 3,4,5 tuổi: Đọc thơ ,ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		1->9
169	4	Biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao ...			
170	5	Biết đọc hiểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao ...			
171	3	Biết kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.		- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	8
172	4	Biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.		- Kể lại truyện đã được nghe.	
173	5	Biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện ...trong nội dung truyện		- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.	
174	3	Biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	* 4,5 tuổi: - Đóng kịch	Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên	5
175	4	Biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.			
176	5	Biết đóng vai của nhân vật trong truyện.			

177	3	Biết sử dụng các từ: “ Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa” ... trong giao tiếp.	* 3,4 tuổi: Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép, <i>biết ơn</i>		3
178	4	Biết sử dụng các từ như: “Mời cô”; “Mời bạn”; “Cảm ơn”, “Xin lỗi”... trong giao tiếp.			
179	5	Biết sử dụng các từ: “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng”... phù hợp với tình huống.		Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ	3
				- Nét mặt phù hợp yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	2
180	3	Biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	* 3,4,5 tuổi: Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt, phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. <i>* KN kiểm soát cảm xúc Thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với hoàn cảnh, nhận biết cảm xúc của bản thân</i>		2
181	4	Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.			
182	5	Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.			
c) Làm quen với đọc- viết					
183	3	Biết đề nghị người khác đọc sách cho trẻ nghe, tự giờ sách xem tranh.	* 3,4,5 tuổi: Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.	Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “ Đọc ” truyện. Giữ gìn sách. Tiếp xúc với chữ, sách truyện	9
184	4	Biết chọn sách để xem.			
185	5	Biết chọn sách để (đọc) và xem.			
186	3	Biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.		- Mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ.	

187	4	Biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.		- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh	8
188	5	Biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.		- Kể chuyện theo đồ vật theo tranh.	
189	4	Biết nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	* 4,5 tuổi: Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)		7
190	5	Biết nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra-vào, cấm lửa, biển báo giao thông...			
191	4	Biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. (Đọc) sách theo tranh minh họa (đọc vẹt)	* 4+5 tuổi: Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách.		4
192	5	Biết cách (đọc sách) từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	“Đọc” truyện qua các tranh vẽ. Giữ gìn, bảo vệ sách		
193	3	Biết thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	* 3,4,5 tuổi:		
194	4	Biết sử dụng ký hiệu để (viết): tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt. Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.	Nhận dạng một số chữ cái o-ô-ơ; a-ă-â; e-ê; u-ư; i-t-c; Tập tô, tập đồ các nét chữ: o-ô-ơ; a-ă-â; e-ê; u-ư; i-t-c	1->5
195	5	Biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.	Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ các dấu - Làm quen với sử dụng sách bút	Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình. Làm quen cách viết tiếng Việt: Hướng viết của các nét chữ; Viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Tập tô, tập đồ các chữ cái: o-ô-ơ; a-ă-â; e-ê; u-ư; i-t-c; b-d-đ; m-n-l; g-y; p,q; h,k; v-r;	1->9

196	5	Biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt.		- Nhận dạng các chữ cái: o-ô-ơ; a- ă- â; e-ê; u-ư; i-t-c; b-d-đ; m-n-l; g-y; h,k p,q; s,x; v-r;	1->9
197	5	Biết nghe hiểu nội dung câu truyện, thơ, đồng dao, ca dao, dành cho lứa tuổi của trẻ.		Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè, phù hợp với độ tuổi.	1->9
198	5	Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện .		Bắt chuyện với bạn bè hoặc người lớn bằng nhiều cách khác nhau(VD: sử dụng thông tin của một câu chuyện, sự kiện hay câu hỏi). Cuộc trò chuyện được duy trì và phát triển.	4

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kĩ năng xã hội.

a) Phát triển tình cảm

199	3	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân	* 3,4 tuổi: - Tên, tuổi, giới tính - Bình đẳng giới		2
200	4	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.			
201	5	- Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.		- Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân.	2
				- Nói được tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	3
202	3	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích.		- Những điều bé thích, không thích	
203	4	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm	* 4,5 tuổi: - Sở thích, khả năng của bản		

		được	thân.		2
204	5	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- <i>Tự tin vào bản thân</i> - <i>Nhìn nhận bản thân tích cực</i>	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến	
205	5	- Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn. (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)		- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác	
206	5	- Trẻ biết mình là con/cháu/anh/chị/em trong gia đình.		- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình.	3
				- Vị trí và trách nhiệm với lớp học	1
207	5	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.		- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)	1
				- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động công việc vừa sức * <i>KN giải quyết vấn đề</i> - <i>Cùng cô và các bạn lập kế hoạch và thực hiện công việc được phân công việc, phân công công việc</i>	3
* Thể hiện sự tự tin, tự lực					
208	3	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi		Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	
209	4	- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.		- Tự chọn đồ chơi theo ý thích	4

210	5	- Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)		- Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày(Vệ sinh các nhân trực nhật, chơi...)	
211	3	- Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	* 3,4,5 tuổi: Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao - Trí nhớ làm việc		6
212	4	- Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (Trực nhật, dọn đồ chơi)			
213	5	- Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.			
* Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.					
214	3	- Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	3+4+5 tuổi: Nhận biết cảm xúc của bản thân với người khác - Ứng xử khi người khác có lỗi - Biết ứng xử khi người khác không giống mình - Đặt tên cảm xúc	- Nhận biết một số cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói - Giúp đỡ chia sẻ vui buồn với người khác	2
215	4	- Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.		- Nhận biết một số cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh * KN Đồng cảm với người khác - Giúp đỡ chia sẻ vui buồn với người khác	
216	5	- Trẻ nhận biết được một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.		- Nhận biết một số cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc * KN tôn trọng sự đa dạng	

				- Hòa hợp với người khác	
217	3	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận	* 3,4 tuổi: - Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động (vẽ, nặn, xếp hình)		2,3,6
218	4	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- KN tôn trọng sự đa dạng: Tôn trọng sự khác biệt của người khác - KN đối phó với căng thẳng: Giải tỏa căng thẳng, mệt mỏi của bản thân		
219	5	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	-KN kiểm soát cảm xúc: Thể hiện cảm xúc của trẻ phù hợp với hoàn cảnh, nhận biết cảm xúc của mình * 4,5 tuổi - Kiểm soát bản thân	Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác * KN kiểm soát cảm xúc - Nhận diện cảm xúc của người khác và thể hiện tình cảm với người khác	
220	3	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ	* 3,4,5 tuổi: - Kính yêu Bác Hồ	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	9
221	4	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ - Trẻ biết Bác Hồ rất yêu các cháu thiếu nhi.	- Nhận ra lăng Bác Hồ	
222	5	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc....)		- Trẻ biết ngày 19/5 là ngày sinh nhật Bác.	
223	3	- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe		Thích nghe kể chuyện, nghe	

		hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ		hát đọc thơ, xem tranh ảnh về bác Hồ	
224	4	- Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	* 4,5 tuổi: - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - Lòng biết ơn		9
225	5	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ cùng cô, kể chuyện về Bác Hồ			
226	4	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	* 4,5 tuổi: - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp (Đồi A1, Hầm đờ Cát, tượng đài, hầm đại tướng...) lễ hội của quê hương, đất nước (lễ hội Hoa Ban, ngày 20/11, ngày 22/12, ngày 20/10, 8/3, ngày tế dương lịch, tết cổ truyền, tết dân tộc Mông		5, 6, 7, 9
227	5	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước.		- Một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước	
228	5	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.		- Biết an ủi và chia vui với bạn bè - Biết vượt qua sự lo lắng, sợ hãi, nỗi buồn	1
				- Biết an ủi và chia vui với người thân và gia đình	3
b) Phát triển kĩ năng xã hội.					
* Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội					
229	3	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ	* 4,5 tuổi: - Một số quy định ở lớp, và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ)	- Một số quy định (về đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) - Nhận biết hành vi “đúng” – “sai”, “tốt” – “xấu”	1
				- Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.	3

230	4	- Trẻ thực hiện được một số qui định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi qui định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông, bà, bố, mẹ	- Qui định, nơi công cộng đi bên phải lề đường. - Áp dụng quy tắc xã hội	- Phân biệt hành vi “đúng” – “sai”	7
				- Phân biệt hành vi , “tốt” – “xấu”	1,3,7
231	5	- Trẻ thực hiện được một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi cất đồ chơi vào nơi qui định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố, mẹ, anh, chị, muốn đi chơi phải xin phép.		- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” – “sai”, “tốt” – “xấu	7
232	3	- Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	*3+4+5 tuổi - <i>Biết đón khách đến chơi nhà trong dịp tết, đến nhà người khác biết chào hỏi</i> - <i>Nhận quà/ lì xì ngày tết</i> * 4,5 tuổi: - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, (lịch sự) - Lòng biết ơn	- Cử chỉ lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi).	2
233	4	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.			6
234	5	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép			2, 6
235	3	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói	* 3,4 tuổi: - Chú ý nghe khi cô, bạn nói * 4+5 tuổi: - <i>Nghe chăm chú</i>		1
236	4	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói			
237	5	- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác		- Lắng nghe ý kiến của người khác. Nhìn vào người khác khi họ đang nói - Không cắt ngang lời khi người khác đang nói * <i>KN tư duy phản biện</i>	5

				- <i>Đưa ra đánh giá và lý giải về tình huống vấn đề</i>	
238	3	- Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	* 3,4 tuổi: - Chờ đến lượt, (hợp tác)	- Chơi hòa thuận với bạn	5
239	4	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	- <i>Thực hiện các quy định nơi công cộng(biết xếp hàng chờ đến lượt</i>		
240	5	- Trẻ biết chờ đến lượt	* 3,4,5 tuổi - Áp dụng quy tắc xã hội	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận	
241	4	- Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)		- Trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	8
242	5	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.		- Lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	
243	5	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)		- Chơi với bạn vui vẻ - Biết dùng cách để giải quyết mâu thuẫn giữa các bạn. - Giải quyết xung đột	4
*Quan tâm đến môi trường					
244	3	- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây	* 3,4,5 tuổi: - Bảo vệ, chăm sóc con vật quen thuộc		5
245	4	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc	- Bảo vệ, chăm sóc cây cối - Hoà hợp với thiên nhiên		6
246	5	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc			
247	3	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	* 3,4,5 tuổi:		1
248	4	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.		

249	5	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định			
250	4	- Trẻ biết không bẻ cành, bứt hoa	* 3,4,5 tuổi:	- Biết không bẻ cành, bứt hoa	6
251	5	- Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...)	- Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường. - <i>Yêu quý chăm sóc bảo vệ cảnh quan môi trường</i> - Sử dụng đồ chơi, đồ dùng của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học.	- Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...)	
252	4	- Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	* 4,5 tuổi: - Tiết kiệm điện nước - <i>Phòng tránh đuối nước</i>		8
253	5	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- <i>Giữ gìn, Sử dụng tiết kiệm các đồ dùng đồ chơi trong lớp</i>		1
254	5	- Trẻ chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.		- <i>Thể hiện sự quan tâm đến người khác</i> - Chủ động bắt chuyện hoặc kéo dài được cuộc trò chuyện	4
255	5	- Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn		- Quan tâm chia sẻ giúp đỡ bạn - <i>Biết giúp đỡ, chia sẻ đồng cảm với người khác</i>	1
				- Chia sẻ và cảm thông với các bạn nhỏ vùng thiên tai	8
256	5	- Trẻ biết có nhóm bạn chơi thường xuyên		- Có ít nhất 2 bạn thân hay cùng chơi với nhau	2

257	5	- Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác		- Mô tả được ảnh hưởng hành động của mình đến tình cảm và hành động của người khác	7
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ					
a) Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các phẩm nghệ thuật					
258	3	- Biết vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng	* 3,4,5 tuổi: - Bộc lộ cảm xúc khi nghe + Âm thanh gọi cảm (tiếng cười đùa, tiếng khóc, tiếng chim hót, tiếng nước chảy, tiếng sấm...) + Các bài hát ru, các bản nhạc không lời nhẹ nhàng + Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, trong cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật: cây cối, con vật, mây, nước, sông, núi, ... - Hoà hợp với thiên nhiên	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	1->9
259	4	- Biết vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng		- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	
260	5	- Biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh đáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng		- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật - Nghe các âm thanh gọi cảm, bài hát, bản nhạc (thiếu nhi, dân ca)	
261	3	- Biết chú ý nghe, thích được hát		- Nghe các bài hát hát, bản	

		theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện		nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)	1-> 9
262	4	- Biết chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện		- Nghe và nhận ra các thể loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)	
263	5	- Biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.		- Nghe các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, cổ điển) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc	
264	3	- Biết vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc hình dáng ...) của các tác phẩm tạo hình		- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm	1->9
265	4	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình		- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm	
266	5	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình		- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm	
b) Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ nặn, cắt xé dán hình)					
267	3	- Biết hát tự nhiên, hát được theo		Hát đúng giai điệu lời ca bài	

		giai điệu các bài hát quen thuộc		hát	
268	4	- Biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt điệu bộ	* 4+ 5 tuổi: - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc tình cảm của bài hát		1->9
269	5	- Biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...			
270	3	- Biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa)	* 4+5 tuổi: - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp	1->9
271	4	- Biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)		- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc	
272	5	- Biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)		- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc	
273	3	- Biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm theo sự gợi ý	* 4+ 5 tuổi: - Phối hợp, (lựa chọn) các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, (phế liệu) để tạo ra các sản phẩm:	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm theo ý thích	1->9
274	4	- Biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm		Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích	
275	5	- Biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm		Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích	

276	3	- Biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo ra bức tranh đơn giản		- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, để tạo ra sản phẩm đơn giản	1->9
277	4	- Biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục		- Sử dụng các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét	
278	5	- Biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối		- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục	
279	3	- Biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản		- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản	2,3,5,7,8,9
280	4	- Biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.		- Sử dụng các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước, hình dáng/ đường nét.	2,3,5,7,8,9
282	3	- Biết lăn dọc xoay tròn , ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối		- Sử dụng một số kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản	3,4,5,6,9
283	4	- Biết làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn, để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết		- Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc kích thước, hình dáng/ đường nét.	3,4,5,6,9
284	5	- Biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối		- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	3,4,5,6,9

285	3	- Biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản		- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản	1-9
286	4	- Biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau		- Sử dụng các kỹ năng xếp hình xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau	
287	5	- Biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc hài hòa, bố cục cân đối		- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét bố cục	
288	3	- Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình		Nhận xét sản phẩm tạo hình	1->9
289	4	- Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.		Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét	
290	5	- Biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục		Nhận xét sản phẩm tạo hình, về màu sắc, hình dáng/ đường nét, bố cục	
c) Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật					
291	3	- Biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc		- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc	1->9
292	4	- Biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc		- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc	
293	5	- Biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích		- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích - Đặt lời giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc	

				(một câu hoặc một đoạn)	
294	4	- Biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	* 4,5 tuổi: - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp, tiết tấu	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát	2,3,5,6,7,8
295	5	- Biết gõ đệm dụng cụ theo tiết tấu tự chọn		Đặt lời theo giai điệu 1 bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc 1 đoạn)	
296	3	- Biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích		- Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích: Vẽ, nặn, xé	1->9
297	3	- Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	* 3,4,5 tuổi: - Đặt tên cho sản phẩm của mình * <i>KN tự nhận thức bản thân và môi trường xung quanh</i> - <i>Bảo vệ đồ dùng sản phẩm của cá nhân tôn trọng đồ dùng/sản phẩm của người khác</i>		1->9
298	4	- Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình			
299	5	- Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình			
300	4	- Nói được lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	* 4,5 tuổi: - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình		1->9
301	5	- Nói được lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích			

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH

.....

.....

.....

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian (từ ngày 1/9/2025 đến ngày 25/5/2026)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Các lễ/ hội	Điều chỉnh, bổ sung
1/9/2024 đến 26/9/2025	1	Trường mầm non	Ngày hội đến trường của bé	1	Khai giảng 5/9	
			Trường mầm non thân yêu	1		
			Đồ dùng, đồ chơi của bé	1		
			Lớp học của bé	1		
29/09/ 2025 đến 17/10/2025	2	Bản thân	Bé tự giới thiệu về mình	1	Tết trung thu 15/8 âm (06/10 dương)	
			Cơ thể của bé (Tết trung thu)	1		
			Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1		
20/10/2025 đến 14/11/2025	3	Gia đình của bé	Ngôi nhà của bé	1		
			Các thành viên trong gia đình	1		
			Đồ dùng trong gia đình	1		
			Nhu cầu của gia đình(thực phẩm)	1		
17/11/2025 đến 12/12/2025	4	Nghề nghiệp	Ngày hội 20/11	1	Ngày nhà giáo VN 20/11	
			Nghề chăm sóc sức khỏe	1		
			Bé yêu bác nông dân	1		
			Bé thích làm nghề gì	1		
15/12/2025 đến 16/01/2026	5	Những con vật đáng yêu	Một số con vật nuôi trong gia đình (gia cầm)	1	- Nghỉ tết dương lịch 1/1/ 2026	
			Một số con vật nuôi trong gia đình (gia súc)	1		
			Một số con vật sống trong rừng	1		
			Một số con vật sống dưới nước	1		
			Một số con côn trùng	1		
19/01/2026 đến 20/02/2026	6	Cây xanh và hoa lá	Vườn rau của bé	1	Nghỉ tết nguyên đán	
			Vườn hoa mùa xuân			

			Cây xanh quanh	1	từ 16/2/2026- 20/02/2026	
			Bé vui đón tết	1		
23/2/2026 đến 20/3/2026	7	Phương tiện và QĐ giao thông	Giao thông đường bộ	1	Quốc tế phụ nữ 8/3	
			Ngày hội 8/3	1		
			Giao thông đường thủy	1		
			Quy định giao thông	1		
23/3/2026 đến 17/4/2026	8	Bé khám phá bốn mùa	Nước	1		
			Mùa hè	1		
			Một số hiện tượng tự nhiên	1		
			Một số hiện tượng tự nhiên	1		
20/4/2026 đến 22/5/2026	9	Quê hương - Bác Hồ- trường TH	Bản làng em	1	Giỗ tổ hùng vương 10/3 âm (26/4 dương) Giải phóng Miền Nam 30/4 Quốc tế LĐ 1/5 Sinh nhật Bác 19/5	
			Ôn	1		
			Bé làm quen với đồ dùng lớp 1	1		
			Ngày sinh nhật bác ngày 19/5	1		
			Bác Hồ với các cháu thiếu nhi			

NGƯỜI LẬP**TỔ TRƯỞNG****NHÀ TRƯỞNG KÝ DUYỆT****Lường Thị Thúy****Tòng Thị Hằng****Hoàng Thị Sự**